

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 / 11 / 2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con, chia tài sản
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;
2. Ông Lê Đức Thụy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 636/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 507/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 452/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ý N, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp Bình T, xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Bình T, xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ý N trình bày, do mai mối, bà N và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2012, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 20 tháng 3 năm 2013. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2013, hiện nay đang sống với bà N.*

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên ăn nhậu, chửi mắng, đánh đập bà N, không tôn trọng cha mẹ của bà N. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 10 chỉ vàng 24 kara đang được ông T giữ. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà N rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: bản sao trích lục kết hôn số 270/TLKH-BS, ngày 15/7/2019; bản sao trích lục khai sinh số 271/TLKS - BS, ngày 15/7/2019; sổ hộ khẩu gia đình tên Nguyễn Văn T (bản photo).

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Bà Huỳnh Thị Ý N trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm; xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với 10 chỉ vàng 24 kara.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà N và ông T chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường uống rượu về chửi, đánh đập bà N và ly thân đến nay. Từ khi bà N gửi đơn khởi kiện, ông T nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi. Đồng thời, bà N xác định không còn tình cảm với ông T. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu T cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, bà N rút lại yêu cầu chia tài sản chung 10 chỉ vàng 24 kara nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nợ chung, do bà N không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Ý N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nhờ mai mối, bà N và ông T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 20 tháng 3 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà N xác định, trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên uống rượu, chửi mắng, đánh đập bà N, không tôn trọng cha mẹ bà N. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2018 đến nay. Từ đó, bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà N và ông T không tôn trọng nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà N, ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Chí T vào ngày 30/9/2013, đang sống cùng với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T.

Xét thấy, cháu T đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định; ông T không có ý kiến đối với quyền nuôi dưỡng con chung. Do đó, để

đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu T, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với 10 chỉ vàng 24 kara. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà N rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà N theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Về nợ chung: Do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ý N về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với 10 (mười) chỉ vàng 24 kara.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ý N.

2.1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ý N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 20/3/2013 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà Huỳnh Thị Ý N và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ý N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2013; ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Huỳnh Thị Ý N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ý N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 737.000 (bảy trăm ba mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013335 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 16 tháng 7 năm 2019; bà Huỳnh Thị Ý N được nhận lại 437.000 (bốn trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Huỳnh Thị Ý N có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình